

Số 7432 /QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
V/v cho phép Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận mở ngành đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận tại tờ trình số 130/CĐSP ngày 15/09/2003 về mở ngành đào tạo;
- Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay cho phép Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận từ năm học 2004-2005 được đào tạo giáo viên hệ chính qui trình độ cao đẳng các ngành: Giáo dục Mầm non, Thể dục-Công tác Đội, Lý-KTCN; Đào tạo ngành Tin học (theo các chương trình cấp bằng cao đẳng và bằng cao đẳng sư phạm).

Điều 2. Chương trình đào tạo: Theo chương trình khung đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nằm trong tổng chỉ tiêu kế hoạch được Nhà nước giao.

Điều 4. Các Ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học, Vụ trưởng các Vụ có liên quan và Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4.
- UBND tỉnh Bình Thuận (để thông báo).
- Lưu VP, Vụ ĐH&SDH.

KT/BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ TRƯỞNG



GS.TSKH. Trần Văn Nhung

Số: 6036 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học
theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi các ngành đã được giao đào tạo ở trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận sang các ngành theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh sách các ngành đào tạo của Trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ danh sách các ngành đào tạo kèm theo Quyết định này, Nhà trường tổ chức rà soát, hoàn thiện lại chương trình đào tạo của Trường phù hợp với tên ngành đào tạo mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định giao ngành đào tạo trước đây.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận
 (Kèm theo Quyết định số 6036 /QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2010
 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trình độ ĐT	Ngành đào tạo trước đây của trường		Ngành đào tạo theo danh mục ban hành theo TT 14/2010/TT-BGDĐT	
		Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã số	Tên ngành
1	CĐ	Sư phạm Toán- Tin	1536/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 27/03/2001	51140209	Sư phạm Toán học
2	CĐ	Sư phạm Văn- Sử	1536/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 27/03/2001	51140217	Sư phạm Ngữ văn
3	CĐ	Sư phạm Giáo dục công dân- Sử	7034/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 18/12/2001	51140204	Giáo dục công dân
4	CĐ	Sư phạm Tiểu học	7034/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 18/12/2001	51140202	Giáo dục Tiểu học
5	CĐ	Sư phạm Lí- Tin	6642/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 31/12/2002	51140211	Sư phạm Vật lí
6	CĐ	Sư phạm Sinh- Hóa	6642/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 31/12/2002	51140213	Sư phạm Sinh học
7	CĐ	Sư phạm Mĩ thuật- Âm nhạc	6642/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 31/12/2002	51140222	Sư phạm Mĩ thuật
8	CĐ	Sư phạm Thể dục- Công tác đội	7932/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 29/12/2003	51140206	Giáo dục thể chất
9	CĐ	Mầm non	7932/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 29/12/2003	51140201	Giáo dục Mầm non
10	CĐ	Tin học trong sư phạm	7932/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 29/12/2003	51140210	Sư phạm Tin học
11	CĐ	Sư phạm Lí- Kỹ thuật công nghiệp	7932/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 29/12/2003	51140211	Sư phạm Vật lí
12	CĐ	Tin học ngoài sư phạm	7932/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 29/12/2003	51480202	Tin học ứng dụng
13	CĐ	Kinh tế gia đình- Kỹ thuật nông nghiệp	8124/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/12/2004	51140216	Sư phạm Kinh tế gia đình
14	CĐ	Sư phạm tiếng Anh	8124/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/12/2004	51140231	Sư phạm tiếng Anh
15	CĐ	Sư phạm Lịch sử	8124/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/12/2004	51140218	Sư phạm Lịch sử
16	CĐ	Sư phạm Địa lí	8124/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/12/2004	51140219	Sư phạm Địa lí
17	CĐ	Anh văn du lịch	8124/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/12/2004	51220201	Tiếng Anh
18	CĐ	Quản lí văn hóa	7367/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/12/2005	51220342	Quản lí văn hóa
19	CĐ	Thư viện- Thông tin	7367/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/12/2005	51320202	Khoa học thư viện
20	CĐ	Việt Nam học	7367/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/12/2005	51220113	Việt Nam học
21	CĐ	Quản trị văn phòng	145/QĐ-BGDĐT ngày 08/01/2007	51340406	Quản trị văn phòng

22	CĐ	Thư kí văn phòng	145/QĐ-BGDĐT ngày 08/01/2007	51340407	Thư kí văn phòng
23	CĐ	Công nghệ kĩ thuật điện	921/QĐ-BGDĐT ngày 03/03/2008	51510301	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử
24	CĐ	Công nghệ may	921/QĐ-BGDĐT ngày 03/03/2008	51540204	Công nghệ may
25	CĐ	Quản trị kinh doanh	921/QĐ-BGDĐT ngày 03/03/2008	51340101	Quản trị kinh doanh

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga